

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7 – 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 – 63

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 19 tháng 07 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 17 ngày 19 tháng 07 năm 2018, Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty là: 600.092.720.000 đồng (Sáu trăm tỷ không trăm chín mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT
Ông Mai Thế Khôi	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban
Bà Lương Thị Hương	Thành viên
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT
----------------	---------------

Ông Vũ Đình Độ đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Hiếu ký Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 theo Quyết định số 172/2018/QĐ-DNP ngày 28 tháng 6 năm 2018.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Số: 057/2018/BCSXHN-PB.00020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2018, từ trang 04 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.939.591.122.390	1.409.848.479.830
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	303.946.801.327	307.873.206.677
1. Tiền	111		252.344.651.616	164.659.383.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.602.149.711	143.213.823.019
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	25.493.961.396	102.904.908.165
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	64.650.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.493.961.396	38.254.908.165
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.081.657.543.292	636.129.663.319
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	436.649.140.579	340.343.097.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	398.659.821.152	278.724.673.704
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	810.000.000	810.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	285.958.776.996	54.558.483.237
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(40.420.195.435)	(38.306.591.244)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	446.211.542.918	314.352.967.333
1. Hàng tồn kho	141		452.194.204.226	318.492.689.331
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.982.661.308)	(4.139.721.998)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		82.281.273.457	48.587.734.336
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	16.057.541.094	11.086.155.850
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		63.641.938.747	35.608.121.344
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	2.581.793.616	1.893.457.142
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.374.061.026.460	2.442.802.258.292
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		30.628.913.703	25.105.740.884
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	30.628.913.703	25.105.740.884
II/ Tài sản cố định	220		2.146.760.479.275	1.690.763.833.149
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.822.173.158.526	1.425.144.449.996
- Nguyên giá	222		2.761.176.671.809	2.040.640.428.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(939.003.513.283)	(615.495.978.772)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	284.736.100.513	226.825.032.285
- Nguyên giá	225		360.826.092.585	283.373.692.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(76.089.992.072)	(56.548.660.373)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	39.851.220.236	38.794.350.868
- Nguyên giá	228		46.027.615.668	43.762.402.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.176.395.432)	(4.968.051.800)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
III/ Tài sản dở dang dài hạn			456.106.784.650	145.980.309.279
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	456.106.784.650	145.980.309.279
IV/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	343.259.984.540	218.772.691.397
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		209.086.713.780	100.733.001.397
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		123.173.270.760	113.039.690.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		11.000.000.000	5.000.000.000
V/ Tài sản dài hạn khác	260		397.304.864.292	362.179.683.583
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	44.647.804.895	30.069.618.696
2. Lợi thế thương mại	269	5.14	352.657.059.397	332.110.064.887
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.313.652.148.850	3.852.650.738.122

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		4.110.620.296.762	2.884.224.897.351
I/ Nợ ngắn hạn	310		1.725.075.363.475	1.291.620.341.069
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	180.801.505.913	108.063.763.331
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.215.996.692	6.586.739.594
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	12.822.845.883	4.705.061.517
4. Phải trả người lao động	314		22.786.622.035	12.643.813.693
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	16.549.853.533	12.346.505.793
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	193.516.386.267	80.268.733.603
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.288.469.263.604	1.064.565.499.167
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.912.889.548	2.440.224.371
II/ Nợ dài hạn	330		2.385.544.933.287	1.592.604.556.282
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	477.973.319.463	575.421.179.569
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	1.808.843.607.697	963.051.953.212
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.20	98.728.006.127	54.131.423.501
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.203.031.852.088	968.425.840.771
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.21	1.200.151.150.104	968.425.840.771
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.092.720.000	500.092.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		600.092.720.000	500.092.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.002.900.000	29.002.900.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.757.228.445	12.757.228.445
4. Cổ phiếu quỹ	415		(342.000)	(342.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.191.466.010	726.040.131
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141.285.193.862	138.581.969.226
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		111.896.238.117	14.809.808.786
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.388.955.745	123.772.160.440
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		389.821.983.787	287.265.324.969
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.880.701.984	-
1. Nguồn kinh phí	431		574.434.495	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		2.306.267.489	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.313.652.148.850	3.852.650.738.122



Nguyễn Văn Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	899.730.619.912	677.333.205.745
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	712.585.578	1.168.009.522
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		899.018.034.334	676.165.196.223
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	763.499.984.838	551.766.893.582
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		135.518.049.496	124.398.302.641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	64.615.916.570	100.398.036.137
7. Chi phí tài chính	22	6.5	81.540.763.819	56.584.139.547
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		79.862.554.753	54.081.283.309
8. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		10.765.176.182	116.546.903
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	42.693.829.269	28.813.142.666
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	62.781.884.206	69.508.346.520
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.882.664.954	70.007.256.948
12. Thu nhập khác	31	6.8	13.600.598.569	1.962.489.865
13. Chi phí khác	32	6.9	6.813.548.687	710.430.462
14. Lợi nhuận khác	40		6.787.049.882	1.252.059.403
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.669.714.836	71.259.316.351
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	3.988.145.867	12.337.967.334
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(2.307.995.461)	(582.678.909)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.989.564.430	59.504.027.926
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		29.724.611.025	59.698.159.346
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(735.046.595)	(194.131.420)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12.1	591	1.575
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12.2	523	1.575



Nguyễn Văn Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.669.714.836	71.259.316.351
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.1	100.132.386.189	73.793.634.462
- Các khoản dự phòng	03		3.660.257.248	12.965.344.119
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		298.924.428	412.090.052
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7.2	(61.711.997.772)	(98.806.250.904)
- Chi phí lãi vay	06		79.862.554.753	54.081.283.309
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		152.911.839.682	113.705.417.389
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(270.116.054.910)	(1.460.473.563)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(114.678.151.839)	12.903.067.912
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		58.292.073.189	(10.673.571.977)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.3	(12.200.200.731)	(11.447.603.089)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		63.650.000.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(74.402.345.140)	(54.986.152.469)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(4.648.747.859)	(4.352.980.219)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(80.060.000)	(353.140.541)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(201.271.647.608)	43.334.563.443
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(383.163.098.566)	(148.926.594.243)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		63.694.750.892	43.266.104.600
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.069.053.231)	(43.537.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.830.000.000	59.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(595.823.843.243)	(91.258.107.598)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.508.800.000	(1.341.680.988)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.437.853.569	1.860.251.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(897.584.590.579)	(180.537.426.536)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		120.120.000.000	106.075.200.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.5	2.488.171.026.799	1.007.169.037.512
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.6	(1.445.794.104.157)	(918.420.911.171)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35		(64.629.092.589)	(27.487.416.601)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.826.632.640)	(2.861.662.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.095.041.197.413	164.474.246.940
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.815.040.774)	27.271.383.847
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		307.873.206.677	154.838.423.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(111.364.576)	(24.854.740)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		303.946.801.327	182.084.952.822



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 19 tháng 07 năm 2018.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty là: 600.092.720.000 đồng (Sáu trăm tỷ không trăm chín mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 17 ngày 19 tháng 07 năm 2018, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Đại lý bưu điện./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty con của Công ty – Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP đã thực hiện mua chi phối Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội là đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP cũng mua bổ sung cổ phần tại Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận để chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con. Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận là đơn vị kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Theo đó, toàn bộ tài sản và nguồn vốn của các đơn vị trên được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng của Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại thời điểm 30/06/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tại thời điểm 26/06/2018, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với tổng số cổ phiếu phát hành là 10.000.000 cổ phiếu với giá 12.000 đồng/cổ phiếu. Công ty đã có báo cáo kết quả phát hành riêng lẻ ngày 27/06/2018.

Ngoài hoạt động nêu trên, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

1.6 Cấu trúc Công ty**Các chi nhánh**

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội	Tầng 23 – Tòa nhà Handico – Đường Phạm Hùng – Q. Nam Từ Liêm – Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc

Các Công ty con sở hữu trực tiếp

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích tại 30/06/2018</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 – KCN Điện Nam – Điện Ngọc - Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, Tp. HCM	Sản xuất & kinh doanh nhựa công nghiệp	72,65%	72,65%
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Tầng 4 – Tòa nhà Vietel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang.	Đầu tư vào các Công ty nước sạch	74,99%	74,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Số 1 – Đường Ngô Quyền – Tp Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Ấp 7 - Xã Nhị Thành – Huyện Thủ Thừa – Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	81,00%	73,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang	Tầng 4 – Tòa nhà Vietel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang – T. Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	93,63%	82,95%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Các Công ty con sở hữu gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/06/2018
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A25-26 KDC Kênh Bàu, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70,77%	53,06%
Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	52,68%	39,50%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	137 Lê Hồng Phong – Thành phố Phan Thiết – Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	57,26%	37,19%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước Sạch số 3 Hà Nội	Số 8C Đình Công Tráng- Hoàn Kiếm- Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	86,36%	64,76%

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/06/2018
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào (*)	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào	Sản xuất và kinh doanh nhựa phế liệu	43,42%	31,54%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	250 Hùng Vương, P.4, TP.Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	37,15%	30,94%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	2A Nguyễn Trãi, Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	22,54%	16,89%
Công ty CP Đầu tư nước Bình An (**)	M5, Tôn Đức Thắng, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	20%	7,44%
Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Hải (**)	137 Lê Hồng Phong, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25%	9,3%
Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh (**)	137 Lê Hồng Phong, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25%	9,3%

(*) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào là Công ty liên kết của Công ty CP Nhựa Tân Phú – Công ty con của Công ty. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ 31/12/2016 nhưng chưa thực hiện các thủ tục giải thể, phá sản.

(**) Các công ty trên là Công ty liên kết của Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận – Công ty con được mua chi phối trong 6 tháng đầu năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được lập đến ngày 30/06/2018.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc bất lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm (120 tháng). Bất lợi thế thương mại được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất giao không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu là các khoản vốn góp của chủ sở hữu tại các công ty tăng từ các nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn quỹ khác.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được hưởng ưu đãi miễn thuế 02 năm và giảm 50% thuế cho 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập từ đầu tư mở rộng hoàn thành trong năm 2016.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được miễn thuế 2 năm (năm 2012, 2013) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (năm 2014 đến năm 2017), nhưng Chi nhánh chỉ được hưởng ưu đãi nêu trên cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015 theo Công văn số 2579/CT_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận được hưởng ưu đãi thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế

4.20 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.716.651.621	5.019.240.286
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	249.179.990.838	159.640.143.372
Tiền đang chuyển	448.009.157	-
Các khoản tương đương tiền	51.602.149.711	143.213.823.019
Cộng	<u>303.946.801.327</u>	<u>307.873.206.677</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt ngoại tệ - USD	153,00	3.506.760
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	177.388,55	4.065.718.655
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	317,75	8.417.988
Cộng		<u>4.077.643.403</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng <1>	51.602.149.711	66.482.835.820
Trái phiếu Home direct <2>	-	76.730.987.199
Cộng	51.602.149.711	143.213.823.019

<1> Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với giá trị là 5.000.000.000 đồng được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại ngân hàng này.

<2> Trái phiếu Home direct 2016 – 3 – VN Direct được quyền chuyển nhượng bất cứ thời điểm nào sau khi thông báo cho Cổ phần chứng khoán VNDirect trước 03 ngày. Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số trái phiếu này.

Các khoản tiền gửi tại ngân hàng nhưng không được sử dụng:

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Giá trị tiền gửi ký quỹ bảo đảm cho các hợp đồng vay và thuê tài chính	761.725.420	13.523.450.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam KCN Biên Hòa	-	12.990.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam - CN HCM	761.725.420	533.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2018			01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Cấp thoát nước số 12	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty CP Quản lý Đầu tư DNP	-	-	-	-	63.650.000.000
Cộng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	64.650.000.000

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn <1>	24.493.961.396	24.493.961.396	38.254.908.165	38.254.908.165
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu <2>	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-
Cộng	35.493.961.396	35.493.961.396	43.254.908.165	43.254.908.165

<1> Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 2,7% - 6,8%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn của Công ty là 16.000.000.000 đồng.

<2> Là khoản trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi trả định kỳ hàng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết	209.086.713.780	-	209.086.713.780	100.733.001.397
Công ty CP cấp thoát nước Cần Thơ	129.206.626.977	-	129.206.626.977	-
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	73.630.086.803	-	73.630.086.803	67.160.192.681
Công ty CP Đầu tư nước Bình An	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Hải	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	750.000.000	-	750.000.000	-
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	-	-	-	33.572.808.716
Đầu tư vào đơn vị khác	123.173.270.760	-	123.173.270.760	113.039.690.000
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	107.909.090.000	-	107.909.090.000	107.909.090.000
Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường - CTCP	5.130.600.000	-	5.130.600.000	5.130.600.000
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	4.113.160.500	-	4.113.160.500	-
Công ty CP VLXD & Khoáng sản Bình Thuận (Dự án KDC Hùng Vương)	2.020.420.260	-	2.020.420.260	-
Khác	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Cộng	332.259.984.540	-	322.126.403.780	213.772.691.397

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÔNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2018			01/01/2018		
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty CP cấp thoát nước Cần Thơ	6.310.400	22,54%	16,90%	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	4.532.440	37,15%	30,94%	4.532.440	37,15%	31,92%
Công ty CP Đầu tư nước Bình An	300.000	20%	7,44%	-	-	-
Công ty CP Nước và Môi trường Đông Hải	250.000	25%	9,3%	-	-	-
Công ty Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	75.000	25%	9,3%	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	-	-	-	2.089.412	26,21%	14,64%
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	10.790.909	12,32%	12,32%	10.790.909	12,32%	12,32%
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam	503.000	0,87%	0,87%	503.000	0,87%	0,87%
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	370.000	1,32%	1,32%	-	-	-

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác hiện đang được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Công ty CP Nhựa Đông Nai Miền Trung	4.469.750	4.469.750
Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP	503.000	503.000
Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	2.050.323	2.050.323
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	3.033.832	3.033.832
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	4.744.169	4.744.169

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	(13.371.127.269)	21.401.610.384	(13.371.127.269)
Công ty CP xây dựng Trường Xuân	15.317.531.794	-	27.813.991.430	-
Chi nhánh Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam	13.763.899.169	-	21.900.260	-
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn An Khang	85.949.092.343	-	15.656.028.865	-
Các đối tượng khác	297.980.689.160	(21.526.599.357)	273.213.248.954	(19.412.995.166)
Cộng	436.649.140.579	(37.134.044.355)	340.343.097.622	(35.020.440.164)

Trong đó, giá trị các khoản phải thu luân chuyển được sử dụng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng là 269.000.000.000 đồng và 2.250.000 USD.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
Trả trước các khách hàng khác				
HAR JING PLASTIC MOLD CO., LTD	4.425.643.550	-	143.129.700	-
CÔNG TY TNHH KOLBECO ECO - SOLUTION VIỆT NAM	12.304.088.624	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và tư vấn An Khang <1>	327.382.722.341	-	240.684.474.496	-
Các đối tượng khác	53.688.620.002	(27.500.000)	37.038.322.873	(27.500.000)
Cộng	398.659.821.152	(886.246.635)	278.724.673.704	(886.246.635)

<1> giá trị tạm ứng tiền vật tư thiết bị nhà thầu nhập về công trường xây dựng nhà máy nước DNP-Bắc Giang – dự án của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang và xây dựng nhà máy nước Nhị Thành – dự án của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An. Công trình nhà máy nước DNP – Bắc Giang đã được khánh thành ngày 18/08/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)
Các tổ chức khác	200.000.000	-	200.000.000	-
Cộng	810.000.000	(610.000.000)	810.000.000	(610.000.000)

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
Phải thu các đối tượng khác				
Đặt cọc mua cổ phần <1>	169.505.970.000	-	41.508.800.000	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần <2>	82.745.000.000	-	-	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	17.167.625.466	-	3.340.567.262	-
Ký quỹ, ký cược	10.543.496.357	-	2.807.236.468	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, phải thu lãi cho vay	333.429.960	-	3.081.303.366	-
Phải thu khác	3.873.350.768	-	2.030.671.696	-
Cộng	285.958.776.996	(1.789.904.445)	54.558.483.237	(1.789.904.445)

<1> Là các khoản đặt cọc mua cổ phần Công ty CP Cấp thoát nước Quảng Bình, Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh và Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ của Công ty Cổ phần đầu tư ngành nước DNP.

<2> Là khoản phải thu chuyển nhượng 6.500.000 cổ phần Công ty CP Quản lý đầu tư DNP.

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	18.692.464.248	-	16.651.813.407	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính	11.490.951.565	-	8.008.429.587	-
Phải thu khác	445.497.890	-	445.497.890	-
Cộng	30.628.913.703	-	25.105.740.884	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.7 Nợ phải thu khó đòi

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	3.238.237.572	-	3.238.237.572	-
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	8.030.483.115	21.401.610.384	8.030.483.115
Các đối tượng khác	41.446.266.814	17.635.436.220	34.037.578.074	12.340.351.671
Cộng	66.086.114.770	25.665.919.335	58.677.426.030	20.370.834.786

Chi tiết các khoản nợ theo tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nợ khó đòi trích lập 100%	20.522.962.943	-	19.463.554.532	-
Quá hạn trích 70%	23.579.180.517	7.008.825.498	23.469.467.475	6.375.621.137
Quá hạn trích 50%	2.708.670.957	1.354.335.478	2.708.670.957	1.354.335.478
Quá hạn trích 30%	4.878.998.378	2.906.456.384	1.316.182.982	921.328.087
Chưa quá hạn	14.396.301.975	14.396.301.975	11.719.550.084	11.719.550.084
Cộng	66.086.114.770	25.665.919.335	58.677.426.030	20.370.834.786

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	77.073.234.049	-	41.994.870.555	-
Nguyên liệu, vật liệu	218.435.085.048	(1.877.957.307)	160.750.854.748	(35.017.997)
Công cụ, dụng cụ	27.402.728.250	-	11.770.338.970	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.208.662.613	(2.946.799.913)	12.755.236.639	(2.946.799.913)
Thành phẩm	85.578.792.219	(1.119.496.436)	55.928.171.879	(1.119.496.436)
Hàng hoá	27.002.457.809	(38.407.652)	32.796.163.013	(38.407.652)
Hàng gửi đi bán	1.493.244.238	-	2.497.053.527	-
Cộng	452.194.204.226	(5.982.661.308)	318.492.689.331	(4.139.721.998)

Giá trị hàng tồn kho luân chuyển được sử dụng làm tài sản bảo đảm thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng là 172.000.000.000 đồng và 2.250.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.9	Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ khác		Tổng cộng	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ													
	Số dư tại 01/01/2018	563.589.362.447	552.870.806.639	919.392.371.331	4.650.573.193	137.315.158	2.040.640.428.768						
	Mua trong kỳ	598.610.000	16.802.144.105	1.579.037.036	-	-	18.979.791.141						
	Đầu tư XDCB hoàn thành	3.766.839.199	32.380.358.839	1.694.286.109	115.454.545	-	37.956.938.692						
	Tăng do hợp nhất kinh doanh	141.141.326.758	88.647.081.192	526.346.110.561	2.017.826.454	-	758.152.344.965						
	Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	1.302.588.368	-	-	-	1.302.588.368						
	Thanh lý, nhượng bán	-	(20.753.291.374)	(573.332.332)	-	-	(21.326.623.706)						
	Giảm do bán tài thuê TSCĐ	-	(74.508.796.419)	-	-	-	(74.508.796.419)						
	Giảm khác	-	(20.000.000)	-	-	-	(20.000.000)						
	Số dư tại 30/06/2018	709.096.138.404	596.720.891.350	1.448.438.472.705	6.783.854.192	137.315.158	2.761.176.671.809						
GIÁ TRỊ HAO MÒN													
	Số dư tại 01/01/2018	138.688.420.897	298.493.776.432	175.286.583.551	2.985.141.189	42.056.703	615.495.978.772						
	Khấu hao trong kỳ	16.244.839.423	28.456.040.401	17.400.730.220	185.459.529	5.568.624	62.292.638.197						
	Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	401.532.842	-	-	-	401.532.842						
	Tăng do hợp nhất kinh doanh	38.866.826.560	49.304.667.091	202.913.237.459	(1.583.267.892)	-	289.501.463.218						
	Thanh lý, nhượng bán	-	(19.476.903.929)	(573.332.332)	-	-	(20.050.236.261)						
	Giảm do bán tài thuê TSCĐ	-	(8.637.863.485)	-	-	-	(8.637.863.485)						
	Số dư tại 30/06/2018	193.800.086.880	348.541.249.352	395.027.218.898	1.587.332.826	47.625.327	939.003.513.283						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI													
	Số dư tại 01/01/2018	424.900.941.550	254.377.030.207	744.105.787.780	1.665.432.004	95.258.455	1.425.144.449.996						
	Số dư tại 30/06/2018	515.296.051.524	248.179.641.998	1.053.411.253.807	5.196.521.366	89.689.831	1.822.173.158.526						

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 1.230.339.420.026 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 996.214.678.412 đồng)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 167.793.799.153 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 179.338.239.038 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuế tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	2.401.026.000	271.484.230.191	9.257.287.887	231.148.580	283.373.692.658
Thuế tài chính trong năm	-	75.691.424.659	2.260.000.000	-	77.951.424.659
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	(1.302.588.368)	-	-	(1.302.588.368)
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	803.563.636	-	-	803.563.636
Số dư tại 30/06/2018	2.401.026.000	346.676.630.118	11.517.287.887	231.148.580	360.826.092.585
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2018	-	54.427.305.779	2.121.354.594	-	56.548.660.373
Khấu hao trong kỳ	120.051.300	18.487.470.849	976.329.297	23.114.856	19.606.966.302
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	(401.532.842)	-	-	(401.532.842)
Số dư tại 30/06/2018	120.051.300	72.849.142.025	3.097.683.891	23.114.856	76.089.992.072
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2018	2.401.026.000	217.056.924.412	7.135.933.293	231.148.580	226.825.032.285
Số dư tại 30/06/2018	2.280.974.700	273.827.488.093	8.419.603.996	208.033.724	284.736.100.513

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.11 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ Vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2018	43.483.402.668	279.000.000	-	43.762.402.668
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	220.000.000	2.045.213.000	2.265.213.000
Số dư tại 30/06/2018	43.483.402.668	499.000.000	2.045.213.000	46.027.615.668
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại 01/01/2018	4.689.051.800	279.000.000	-	4.968.051.800
Khấu hao trong kỳ	345.563.406	-	-	345.563.406
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	62.155.558	800.624.668	862.780.226
Số dư tại 30/06/2018	5.034.615.206	341.155.558	800.624.668	6.176.395.432
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2018	38.794.350.868	-	-	38.794.350.868
Số dư tại 30/06/2018	38.448.787.462	157.844.442	1.244.588.332	39.851.220.236

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 279.000.000 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 279.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2018		Chi phí phát sinh trong năm		Tặng do mua bán Công ty con		Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm		Kết chuyển giảm khác		30/06/2018	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	25.798.963.616	25.101.248.128	-	37.086.245.419	9.776.563.311	4.037.403.014						
Máy móc, thiết bị nhập mua chưa nghiệm thu lắp đặt chạy thử	25.798.963.616	25.101.248.128		37.086.245.419	9.776.563.311	4.037.403.014						
Xây dựng cơ bản	120.181.345.663	324.203.768.271	11.247.815.233	2.836.938.588	726.608.943	452.069.381.636						
Nhà máy nước Long An	5.690.334.275	36.075.183.467				41.765.517.742						
Các công trình Nhà máy nước Đồng Tâm	3.548.161.691	15.916.488.259		600.500.000		18.864.149.950						
Nhà máy nước Bắc Giang	103.046.442.896	260.362.154.648				363.408.597.544						
Các dự án khác	7.896.406.801	11.849.941.897	11.247.815.233	2.236.438.588	726.608.943	28.031.116.400						
	145.980.309.279	349.305.016.399	11.247.815.233	39.923.184.007	10.503.172.254	456.106.784.650						

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.13 Chi phí trả trước

5.13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.046.945.308	6.309.175.113
Chi phí sửa chữa tài sản	496.351.564	522.100.552
Các khoản khác	11.514.244.222	4.254.880.185
Cộng	16.057.541.094	11.086.155.850

5.13.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.683.800.345	15.067.954.103
Chi phí sửa chữa tài sản	11.402.662.234	1.354.328.605
Các khoản khác	9.561.342.316	13.647.335.988
Cộng	44.647.804.895	30.069.618.696

5.14 Lợi thế thương mại

	6 tháng đầu năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu năm	332.110.064.887	186.589.645.385
Lợi thế thương mại tăng trong kỳ	38.711.553.638	188.542.001.540
Giảm do thoái vốn Công ty con	-	(19.531.044.279)
Phân bổ lợi thế thương mại	(18.164.559.128)	(23.490.537.759)
Số dư cuối kỳ	352.657.059.397	332.110.064.887

Chi tiết số dư cuối kỳ

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Bình Hiệp	174.401.351.424	183.828.451.501
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Sản xuất và kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	38.711.553.638	-
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	93.304.954.297	98.959.800.012
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhựa Tân Phú	46.239.200.038	49.321.813.374
Cộng	352.657.059.397	332.110.064.887

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Giá trị lợi thế thương mại được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá phí đầu tư của Công ty và giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo các báo cáo thẩm định giá do các Công ty thẩm định giá độc lập thực hiện.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm (120 tháng) vào chi phí quản lý doanh nghiệp kể từ thời điểm sở hữu doanh nghiệp.

Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty đang thuê thực hiện thẩm định giá trị hợp lý khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất và kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội. Giá trị lợi thế thương mại ghi tăng trong kỳ được xác định dựa trên giá trị được xác định trên báo cáo thẩm định dự thảo của thẩm định viên. Giá trị này có thể thay đổi khi Công ty thẩm định giá phát hành báo cáo chính thức.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của việc điều chỉnh do khả năng thay đổi giá trị hợp lý là không trọng yếu.

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Sabic Asia Pacific Pte Ltd	23.329.102.500	23.329.102.500	30.469.765.290	30.469.765.290
BOROUGE PTE LTD	20.108.548.350	20.108.548.350	-	-
Basell Asia Pacific.,Ltd	14.385.521.205	14.385.521.205	5.509.872.900	5.509.872.900
Công ty CP Thiết bị Đông Đô	14.022.066.520	14.022.066.520	-	-
Jampoo Union Corporation -	8.858.835.150	8.858.835.150	-	-
Itochu Corporation	2.269.113.000	2.269.113.000	4.114.125.600	4.114.125.600
Công ty TNHH J-Spiral Steel	2.023.256.377	2.023.256.377	13.634.921.457	13.634.921.457
TOSHIBA MACHINE S. E.	-	-	4.518.438.000	4.518.438.000
ASIA PTE.LTD	-	-	3.187.238.400	3.187.238.400
Scg Plastics Co., Ltd	-	-	3.187.238.400	3.187.238.400
Các nhà cung cấp khác	95.805.062.811	95.805.062.811	46.629.401.684	46.629.401.684
Cộng	180.801.505.913	180.801.505.913	108.063.763.331	108.063.763.331

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu tại 01/01/2018	Số phải nộp tại 01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do mua công ty con (Phải nộp (+) Phải thu (-))	Số phải thu tại 30/06/2018	Số phải nộp tại 30/06/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	216.106.765	1.090.924.431	3.169.024.624	3.983.345.608	4.244.710.125	-	4.305.206.807
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.028.626.486	-	32.989.260.895	33.175.099.715	-	1.214.465.306	-
Thuế xuất, nhập khẩu	142.886.155	64.492.511	1.168.009.721	1.064.389.824	-	37.963.238	63.189.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.250.182	2.389.800.948	3.988.145.867	4.648.747.859	1.888.717.318	1.147.366.026	4.306.032.118
Thuế thu nhập cá nhân	7.764.961	1.137.834.227	2.925.655.849	3.282.084.399	(98.490.233)	124.125.313	799.275.796
Thuế tài nguyên	-	22.009.400	159.901.880	156.238.820	178.996.680	19.051.140	223.720.280
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	556.471.594	556.471.594	-	-	-
Các loại thuế khác	38.822.593	-	17.000.000	17.000.000	-	38.822.593	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	3.125.421.391	-	3.125.421.391
Cộng	1.893.457.142	4.705.061.517	44.973.470.430	46.883.377.819	9.339.355.281	2.581.793.616	12.822.845.883

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.17 Chi phí phải trả

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.680.713.066	3.056.453.304
Cước vận chuyển	2.700.992.377	1.563.299.778
Chi phí khác	4.168.148.090	7.726.752.711
Cộng	16.549.853.533	12.346.505.793

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các đối tượng khác				
Kinh phí công đoàn	1.915.399.970	1.915.399.970	1.777.583.202	1.777.583.202
Bảo hiểm xã hội	1.418.186.359	1.418.186.359	110.588.563	110.588.563
Bảo hiểm y tế	232.869.245	232.869.245	3.235.668	3.235.668
Bảo hiểm thất nghiệp	104.715.116	104.715.116	266.800	266.800
Cổ tức phải trả	798.028.001	798.028.001	593.353.340	593.353.340
Lãi vay phải trả	2.100.000.000	2.100.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Châu Á	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
Thống Nhất				
Hợp tác đầu tư <1>	180.219.179.893	180.219.179.893	-	-
Phải trả khác	6.728.007.683	6.728.007.683	983.706.030	983.706.030
Cộng	193.516.386.267	193.516.386.267	80.268.733.603	80.268.733.603

<1> Chủ yếu là các khoản nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn dưới 01 năm trong đó các đối tác được nhận lãi theo lãi suất cố định hàng tháng tính trên giá trị hợp tác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam <3>	207.564.512.540	207.564.512.540	205.735.018.544	205.735.018.544
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom <1>	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Nhận kí quỹ, kí cược Công ty CP quản lý đầu tư DNP	2.401.374.923	2.401.374.923	-	-
Các khoản phải trả khác <2>	198.007.432.000	198.007.432.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	477.973.319.463	477.973.319.463	575.421.179.569	575.421.179.569

<1> Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2016/HĐ-DNP ngày 25/11/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

<2> Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân ngày 28/10/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

<3> Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam gồm các khoản lãi vay chưa trả đến 31/12/2015 được gia hạn trả dần đến năm 2028 theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2015/HĐSDBS – NHPT ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.19 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	30/06/2018		Trong kỳ		1/1/2018	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Tăng Công ty con VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
1> Vay ngắn hạn	1.043.254.708.522	1.043.254.708.522	1.232.145.047.758	-	1.003.443.715.563	814.553.376.327
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	705.569.636.902	705.569.636.902	742.709.320.966		571.920.429.895	534.780.745.831
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	270.716.179.492	270.716.179.492	356.074.134.243		303.634.502.101	218.276.547.350
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	66.968.892.128	66.968.892.128	133.361.592.549		127.888.783.567	61.496.083.146
2> Vay dài hạn đến hạn trả	99.707.417.612	99.707.417.612	46.500.226.079	2.287.743.076	46.626.016.652	97.545.465.109
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	14.630.431.406	14.630.431.406	14.956.125.723		24.147.317.505	23.821.623.188
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	3.378.743.130	3.378.743.130	6.344.100.356		12.266.199.147	9.300.841.921
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	1.212.500.000	1.212.500.000			1.212.500.000	2.425.000.000
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	78.198.000.000	78.198.000.000	25.200.000.000		9.000.000.000	61.998.000.000
Tại Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	2.287.743.076	2.287.743.076		2.287.743.076		-
3> Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	45.633.370.347	45.633.370.347	50.069.767.472	147.033.350	57.325.088.206	52.741.657.731
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	26.924.541.015	26.924.541.015	21.842.820.593		9.355.539.527	14.437.259.949
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	18.561.795.982	18.561.795.982	28.226.946.879		47.969.548.679	38.304.397.782
Tại Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	147.033.350	147.033.350		147.033.350		
4> Trái phiếu đến hạn trả	99.873.767.123	99.873.767.123	148.767.123	-	-	99.725.000.000
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	99.873.767.123	99.873.767.123	148.767.123			99.725.000.000
Cộng	1.288.469.263.604	1.288.469.263.604	1.328.863.808.432	2.434.776.426	1.107.394.820.421	1.064.565.499.167

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Số dư vay ngắn hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

a> Vay ngắn hạn:

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương KCN Biên Hòa	198.683.291.489	173.450.131.884
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN Hà Thành	189.856.051.896	80.790.174.409
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	140.047.165.931	100.729.166.667
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam	59.977.356.686	58.944.771.642
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đồng Nai	58.918.523.535	62.962.497.770
Ngân hàng SINOPAC - CN HCM	50.868.860.579	55.261.510.079
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM – CN SGD Đồng Nai	49.897.819.853	38.581.811.991
Ngân Hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - CN Đồng Nai	49.804.506.301	49.806.920.412
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Trường Sơn	41.120.980.917	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TPHCM	39.335.021.274	43.566.779.731
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh Tp.HCM	32.474.901.946	31.954.577.417
Ngân hàng Standard Chartered - CN HCM	27.154.607.287	44.436.762.859
Các đối tượng khác	105.115.620.828	74.068.271.466
Cộng	<u>1.043.254.708.522</u>	<u>814.553.376.327</u>

b> Vay dài hạn đến hạn trả

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	77.100.000.000	60.900.000.000
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	12.759.246.420	12.759.246.420
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	1.834.743.130	3.669.486.260
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	1.544.000.000	3.712.195.661
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TPHCM	-	9.915.764.768
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	-	1.919.160.000
Các đối tượng khác	6.469.428.062	4.669.612.000
Cộng	<u>99.707.417.612</u>	<u>97.545.465.109</u>

c> Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	11.700.724.143	12.561.905.769
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TPHCM	10.636.932.000	-
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	10.403.580.494	20.661.262.004
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	7.019.011.830	9.520.181.478
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	5.846.097.000	9.914.283.600
Các đối tượng khác	27.024.880	84.024.880
Cộng	<u>45.633.370.347</u>	<u>52.741.657.731</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thông tin về các hợp đồng vay ngắn hạn có số dư lớn như sau:

<1> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – KCN Biên Hoà

Hợp đồng cho vay hạn mức số 2017-HĐCVHM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 06/07/2017. Ngân hàng cam kết cho Công ty vay các khoản tiền bằng VND và/hoặc USD trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ phát sinh và được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 2016-HĐTDHM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 29/07/2016 và các hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung ký kết giữa Ngân hàng và Công ty theo liệt kê chi tiết tại phụ lục số 1 của Hợp đồng này. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay của Công ty là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất ngày được ghi theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định và điều chỉnh theo các quy định thể hiện trong Hợp đồng này. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp (i) Hợp đồng thế chấp số 01/NĐN/2013/HĐTCC (ii) Hợp đồng thế chấp số 02/NĐN/2013/HĐTC (iii) Hợp đồng thế chấp số 03/NĐN/2013/HĐTC (iv) Hợp đồng cầm cố số 01-NHUA-2015/HĐCC (v) Hợp đồng cầm cố số 02-NHUA-2015/HĐCC (vi) Hợp đồng thế chấp số 01-2016-HTK-NHUA-ĐN/HĐTC.

<2> Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Hợp đồng tín dụng số 17/2344014-CTD/0653 ngày 26 tháng 09 năm 2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 24/01/2018 giữa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hà Thành và Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 200.000.000.000 VND. Thời hạn của khoản vay là không quá 06 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng theo các biện pháp đảm bảo tại hợp đồng sửa đổi bổ sung. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

<3> Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh:

Hợp đồng tín dụng số 01/CV-158/KHDN1/17NH ngày 25/07/2017 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi nhận trên Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VCB từng thời kỳ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho tới ngày 31 tháng 07 năm 2018. Biện pháp đảm bảo là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai TUCSON, biển số 52A-324.83.

<4> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam

Hợp đồng tín dụng số 29/2017-HĐCVHM/NHCT428-ĐNMT ngày 12 tháng 06 năm 2017 với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung. Hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND bao gồm cả các khoản vay của hợp đồng số 826/2016- HĐTDHM/NHCT482-DNMT ngày 04/08/2016 và có hiệu lực giải ngân đến ngày 31/05/2018. Mục đích khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 04 tháng. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Hợp đồng được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai với giá trị 60 tỷ đồng, quyền đòi nợ luân chuyển có giá trị 120 tỷ đồng, hàng tồn kho luân chuyển 23 tỷ đồng và các tài sản cố định khác.

<5> Công ty vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Á – CN Đồng Nai

Hợp đồng tín dụng số 200-004/18/VAB/HĐCHMDN ngày 21/03/2018. Hạn mức cho vay tín dụng là: 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với kỳ hạn: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay là dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nhựa. Lãi suất áp dụng trong hợp đồng là lãi suất thả nổi theo quy định của VAB trong từng thời kỳ và thời điểm giải ngân. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng là cổ phiếu Công ty CP Bình Hiệp thuộc sở hữu của các thành viên Công ty CP Nhựa Đồng Nai; cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

phiếu Công ty CP Nhựa Tân Phú thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai, cổ phiếu Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai và cổ phiếu Công ty CP Nhựa Đồng Nai thuộc sở hữu của ông bà Vũ Đình Độ - Nguyễn Thị Hạnh.

<6> Khoản vay ngân hàng Sinopac – CN Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 161033 ngày 05 tháng 10 năm 2016 và Bản sửa đổi bổ sung số 161033-SDBS1 ngày 09/10/2017. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng ngắn hạn tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng trị giá đến tổng số tiền vay gốc là 2.500.000 USD hoặc một khoản tương đương bằng đồng tiền tùy chọn. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, thanh toán các khoản nhập mua nguyên vật liệu. Khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay không quá 180 ngày từ ngày nhận nợ. Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được ấn định: (i) Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được giải ngân bằng USD không thấp hơn LIBOR 3 tháng hoặc chi phí vốn của Ngân hàng cộng với 1,5%/năm, (ii) Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được giải ngân bằng tiền VNĐ không thấp hơn chi phí vốn của Ngân hàng áp dụng cho VNĐ cộng 1,5%/năm. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng: Công ty bằng hợp đồng này cam kết cung cấp cho Ngân hàng biện pháp bảo đảm cho các khoản tiền ứng được thực hiện theo hợp đồng này dưới hình thức, nhưng không giới hạn, cầm cố hoặc thế chấp các tài sản của mình để ký kết Hợp đồng Bảo đảm Tiền vay và các tài liệu khác như có thể được Ngân hàng yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào mà Ngân hàng cho là cần thiết để duy trì biện pháp bảo đảm được cung cấp bởi các tài liệu đó.

<7> Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh – CN SGD Đồng Nai

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15549/17MN/HĐTĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 105.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C nhập khẩu, bảo lãnh trong nước và chiết khấu BCT phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại ống, phụ kiện ngành nước, bao bì, túi nilon nhựa. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 08/11/2017. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là khoản phải thu tối thiểu và hàng tồn kho tối thiểu tổng trị giá 140.000.000.000 VND. Lãi suất áp dụng được quy định cụ thể trong từng KUNN/Hợp đồng cấp tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh trên cơ sở LSCV được HDBank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo thông báo của HDBank gửi đến Bên được cấp tín dụng trong suốt thời gian vay thực tế.

<8> Khoản vay Ngân hàng TCMP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Đồng Nai

Hợp đồng cấp tín dụng số 0025/2017/HĐTMHM-DN/PGBank ĐNI ngày 07/04/2017 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Đồng Nai với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND đến ngày 17/02/2018 với thời hạn mỗi khoản vay không quá 06 tháng. Mục đích vay của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Lãi suất được áp dụng theo từng lần giải ngân.

<9> Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trường Sơn

Hợp đồng thấu chi số 47/2017/458982/HĐ ngày 21/08/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trường Sơn với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức thấu chi là 3.000.000.000 VND với thời hạn thấu cho tối đa 12 tháng và năm trong thời hạn của hạn, mức thấu chi (đến 21/12/2018). Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở theo quy định của BIDV cộng 2%/năm và được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích thấu chi là bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 60-2017/HĐTG ngày 11/08/2017.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 44/2018/458982/HĐTĐ ngày 18/06/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Trường Sơn và Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C của Công ty. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 60.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 18/06/2018. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng theo các biện pháp đảm bảo tại hợp đồng sửa đổi bổ sung. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

<10> Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN TP. Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 068/2017/HĐHM/CMB ký ngày 20/06/2017. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa là 06 tháng. Lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng được Bên ngân hàng thông báo cho công ty mỗi lần vay vốn được ghi nhận cụ thể trong các kế ước nhận nợ.

<11> Khoản vay ngân hàng BPCE IOM – chi nhánh TP Hồ Chí Minh gồm:

Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-000435-2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa là 1.500.000 USD. Mục đích vay đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của bên vay, thời hạn cấp hạn mức tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được áp dụng bằng chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%/năm, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay. Biện pháp đảm bảo là hàng tồn kho và các khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp MGA – 000435-2017 ngày 20/12/2017 với giá trị 1.650.000USD.

<12> Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Thư cấp HMTD BFL/032018-822 ngày 06 tháng 03 năm 2018. Tổng khoản tối đa Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 2.000.000 USD tại bất kỳ thời điểm nào. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động và thanh toán các khoản nhập khẩu nguyên vật liệu theo yêu cầu kinh doanh của công ty với kỳ hạn tối đa 120 ngày. Lãi suất được áp dụng theo chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng biên độ tối thiểu 3%/năm trong đó chi phí huy động vốn áp dụng sẽ được cập nhật và thông báo cho công ty tại từng thời điểm hoặc theo yêu cầu của công ty. Biện pháp đảm bảo của Thư hạn mức tín dụng là các Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu, Hợp đồng thế chấp hàng hoá, Hợp đồng cầm cố và bù trừ tài khoản.

<13> Các đối tượng khác

Là các khoản vay các ngân hàng khác có số dư nhỏ hơn, có thời hạn vay dưới 12 tháng.

<14> Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính đến hạn trả

Các khoản vay dài hạn đến hạn trả, nợ thuê tài chính đến hạn trả của các hợp đồng vay dài hạn và thuê tài chính được thuyết minh tại mục 5.20.2.

<15> Trái phiếu phát hành đến hạn trả

Trái phiếu thường phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ. Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

Thời điểm phát hành	: 31/05/2017
Kỳ hạn gốc	: 18 tháng
Số lượng trái phiếu phát hành	: 100 trái phiếu
Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND
Lãi suất	: 8,5%/06 tháng (06 kì tính lãi) đầu tiên; Các kì tính lãi tiếp theo, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,25%
Thời hạn thanh toán	: Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
Tài sản bảo đảm	: Trái phiếu được bảo đảm bằng sổ tiết kiệm với giá trị 24.500.000.000 đồng và 1.505.000 cổ phiếu của Công ty CP Cấp thoát nước Long An; Cổ phần Công ty Cổ phần Nhà Máy Nước Đồng Tâm thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP tương ứng với số lượng cổ phần tối thiểu là 2.050.323 cổ phần.

Chi phí phát hành trái phiếu là 450.000.000 đồng. Giá trị chi phí phát hành trái phiếu còn lại chưa phân bổ tại thời điểm 30/06/2018 là 126.232.877 đồng được điều chỉnh giảm vào mệnh giá trái phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2018		Trong kỳ		1/1/2018	
	Giá trị		Tăng		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng do mua Công ty con VND	VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND
1> Vay dài hạn	1.560.378.503.483	1.560.378.503.483	108.541.318.009	1.045.994.303.127	342.373.365.144	748.216.247.491
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	88.114.391.949	88.114.391.949		302.966.514.930	232.785.116.977	17.932.993.996
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	80.363.597.074	80.363.597.074		132.176.399.914	84.388.248.167	32.575.445.327
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	5.456.250.000	5.456.250.000			5.456.250.000	5.456.250.000
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	465.970.438.772	465.970.438.772		13.035.534.501	25.200.000.000	478.134.904.271
Tại Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP Long An	58.000.971.882	58.000.971.882		58.000.971.882		-
Tại Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang	410.553.635.797	410.553.635.797		196.436.981.900		214.116.653.897
Tại Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	343.377.900.000	343.377.900.000		343.377.900.000		-
Tại Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	18.923.542.456	18.923.542.456	18.923.542.456			-
Tại Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	89.617.775.553	89.617.775.553	89.617.775.553			-
2> Nợ thuê tài chính	148.772.029.633	148.772.029.633	-	90.808.068.488	57.343.966.797	115.307.927.942
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	54.690.090.941	54.690.090.941		64.202.055.470	39.277.587.943	29.765.623.414
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	94.081.938.692	94.081.938.692		26.606.013.018	18.066.378.854	85.542.304.528
3> Trái phiếu	99.693.074.581	99.693.074.581	-	165.296.802	-	99.527.777.779
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	99.693.074.581	99.693.074.581		165.296.802		99.527.777.779
Cộng	1.808.843.607.697	1.808.843.607.697	108.541.318.009	1.136.967.668.417	399.717.331.941	963.051.953.212

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Số dư các khoản vay và nợ dài hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

a> Vay dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	460.293.127.842	469.055.105.151
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm International Finance Corporation	410.553.635.797	214.116.653.897
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	343.377.900.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	58.000.971.882	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	33.557.739.277	13.503.587.530
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư DNP	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	14.326.196.023	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam	5.456.250.000	5.456.250.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	4.597.346.433	-
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	4.586.857.797	4.586.857.797
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TPHCM	-	9.945.864.782
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	-	6.379.623.208
Các đối tượng khác	195.628.478.432	25.172.305.126
Cộng	1.560.378.503.483	748.216.247.491

b> Nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	58.350.231.655	52.218.795.845
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	28.820.469.585	28.644.426.185
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	27.294.246.000	-
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	19.142.354.227	24.486.771.671
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	15.164.728.166	9.957.934.241
Cộng	148.772.029.633	115.307.927.942

Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn:

<1> Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng ngày 30/05/2008, được sửa đổi gần nhất theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐSĐBS – NHPT ngày 31/12/2015. Hạn mức vay là 765.626.000.000 đồng. Thời hạn vay 20 năm đến tháng 08/2028 trong đó thời gian ân hạn là 2 năm. Lãi suất vay trong hạn là 8.4%/năm. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục xây dựng và lắp đặt thiết bị của dự án B.O.O Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống chuyển tải tỉnh Tiền Giang với công suất 90.000 m3/ngày. Khoản vay được đảm bảo bởi toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư và có giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

<2> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 106AHTTD/2017-HDDCVDADDT/NHCT122-DNPBACGIANG ngày 26/07/2017 với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang với tổng hạn mức là 550.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy Nước sạch DNP - Bắc Giang Thời hạn cho vay 162 tháng kể từ ngày giải ngân khoản đầu tiên. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng giá trị tài sản hình thành sau đầu tư. Số dư của khoản vay tại 30/06/2018 là 410.553.635.797 đồng.

<3> Khoản vay International Finance Corporation

Khoản vay Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) theo Hợp đồng Vay vốn chuyển đổi số 39945 ký ngày 28/12/2017 giữa Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP, Công ty CP Nhựa Đồng nai và Công ty Tài chính Quốc tế. Hạn mức cho vay là 24.900.000 USD được quy đổi sang VND tại ngày giải ngân các khoản vay. Lãi suất 5%/ năm tính trên số dư vay bằng đồng Việt Nam, tiền lãi được thanh toán bằng USD (được quy đổi từ VND theo tỷ giá hối đoái hiện hành vào ngày trả lãi). Ngày trả lãi là vào ngày 15/01 và 17/07 hàng năm. Khoản vay được hoàn trả thành 2 đợt bằng nhau vào ngày đáo hạn ban đầu và ngày đáo hạn cuối cùng. Ngày đáo hạn ban đầu là 05 năm sau ngày kí hợp đồng và IFC có thể gia hạn thêm 03 năm. Ngày đáo hạn cuối cùng là 01 năm sau ngày đáo hạn ban đầu. Khoản vay đã giải ngân đến 30/06/2018 là 15.300.000.000 USD được quy đổi sang tiền VND tại ngày giải ngân là 343.377.900.000 đồng

IFC có quyền chuyển đổi tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn chuyển đổi để chuyển đổi toàn bộ hay một phần số tiền chuyển đổi được thành cổ phần chuyển đổi bằng cách gửi Thông báo chuyển đổi đến DNP Water. Thời hạn chuyển đổi bắt đầu kể từ ngày giải ngân và chấm dứt ngay khi trả nợ hết toàn bộ khoản vay. Số tiền chuyển đổi là số tiền tính bằng VND tương đương bất kỳ phần giá trị nào của số tiền chuyển đổi do IFC chỉ định trong Thông báo chuyển đổi. Giá chuyển đổi trên một cổ phần tính bằng VND và là giá thấp hơn giữa 70% giá chào thầu/ cổ phần và 10.000 VND.

<4> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 106AHTTD/2017-HDDCVDADDT/NHCT122-DNPBACGIANG ngày 26/07/2017 với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang với tổng hạn mức là 550.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy Nước sạch DNP - Bắc Giang Thời hạn cho vay 162 tháng kể từ ngày giải ngân khoản đầu tiên. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng giá trị tài sản hình thành sau đầu tư. Số dư tại thời điểm 30/06/2018 là 56.649.000.000 đồng.

<5> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 0024/ĐTDA/15CD ngày 07 tháng 07 năm 2015. Hạn mức cho vay tối đa là 14.477.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay. Số dư khoản vay tại 30/06/2018 là 6.933.043.941 đồng trong đó khoản phải trả đến 31/12/2018 là 1.544.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01/TDH-0158/KHDN/17NH ký ngày 25/7/2017. Hạn mức cho vay tối đa là 73.766.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư TSCĐ theo kế hoạch của Công ty. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay. Số dư khoản vay tại 30/06/2018 là 28.168.695.336 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

<6> Khoản vay Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư DNP

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001/2018/DPI-TPP ngày 28/06/2018. Thời hạn đầu tư là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 100.000.000.000 đồng, mục đích hợp tác đầu tư để tìm kiếm cơ hội đầu tư cổ phiếu ngành nước nhằm mang lại lợi ích chính đáng. Công ty CP Quản lý đầu tư DNP đã đặt cọc 30% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 30.000.000.000 đồng.

<7> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Hợp đồng tín dụng số 01/2017//DA/VCBHN-NSS3 ngày 08/03/2017 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và CTCP Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 15.497.995.162 đồng với thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 7,5%/năm từ ngày giải ngân đầu tiên, từ năm thứ hai, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank – CN Hà Nội cộng biên độ 2,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích của khoản vay là để đầu tư dự án cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát thu tại địa chỉ ô 23C Hoàn Kiếm. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2018 là 10.397.773.709 đồng, trong đó số đến hạn trả là 1.188.316.996 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 02/2017/VCBHN-NSS3 ngày 29/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và CTCP Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 32.470.860.135 đồng với thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 7,5%/năm từ ngày giải ngân đầu tiên, từ năm thứ hai, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank – CN Hà Nội cộng biên độ 2,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích của khoản vay là để đầu tư dự án cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát thu tại địa chỉ ô 22B Hoàn Kiếm. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2018 là 5.756.739.310 đồng, trong đó số đến hạn trả là 640.000.000 đồng.

<8> Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Quảng Nam

Hợp đồng tín dụng số 78/2015-HĐTADA/NHCT482-DNMT ngày 17/11/2015, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm và được điều chỉnh hàng tháng, hạn mức vay là 1.819.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE 160. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 77-2015/HĐTC-KHDN ngày 16/11/2015 với Ngân hàng Vietcombank - CN Quảng Nam.

Hợp đồng số 249/2016-HDDTDDDA-NHCT482-DNMT ngày 22/3/2016, thời hạn vay là 60 tháng, hạn mức cho vay là 11,5 tỷ đồng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để đầu tư nhà xưởng mở rộng và mua sắm dây chuyền máy móc thiết bị HDPE DEKUMA D800/315, HDPE FANGLI D280. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

<10> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT106-NUOCSACH3 ngày 04/01/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hà Nội và CTCP Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 2.259.582.498 đồng với thời hạn cho vay 09 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích của khoản vay là để đầu tư dự án cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát thu ô 23A-KV3-02. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2018 là 1.840.221.513 đồng, trong đó số đến hạn trả là 99.426.080 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 02/2017-HĐTDDA/NHCT106-NUOCSACH3 ngày 24/05/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hà Nội và CTCP Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 3.506.014.000 đồng với thời hạn cho vay 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích của khoản vay là để đầu tư dự án cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát thu ô 23A-KV3-01. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2018 là 3.216.551.000 đồng, trong đó số đến hạn trả là 360.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

<11> Khoản vay ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam

Hợp đồng tín dụng số 130-000-256-280 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Số tiền cho vay là 18.000.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí xây dựng, mua trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho dự án Xây dựng Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh. Lãi suất cho vay là lãi tiền gửi 6 tháng cộng 3%/năm, áp dụng cho từng lần rút vốn vay và được điều chỉnh 06 tháng một lần kể từ ngày giải ngân. Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo: (i) Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên vay, (ii) Nhà xưởng hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 thuộc Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và (iii) Bảo lãnh cá nhân trị giá 18.000.000.000 đồng của ông Ngô Đức Trung (Phó tổng giám đốc bên vay) dưới dạng Hợp đồng bảo lãnh. Số dư khoản vay tại ngày 30/06/2018 là 6.421.600.927 đồng trong đó khoản phải trả đến 31/12/2018 là 1.834.743.130 đồng.

<12> Các hợp đồng thuê tài chính

Các hợp đồng thuê tài chính với các công ty cho thuê tài chính nhằm đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê từ 36 - 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng và được điều chỉnh 3 - 6 tháng/lần

<13> Trái phiếu tại Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Trái phiếu thường phát hành cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Dịch vụ khách hàng đặc biệt để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ.

Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

Thời điểm phát hành	: 25/05/2016.
Kỳ hạn gốc	: 36 tháng
Kỳ hạn còn lại	: 23 tháng
Số lượng trái phiếu phát hành	: 100 trái phiếu
Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND
Lãi suất	: 7,4% /năm đầu tiên, từ năm thứ 2 bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%.
Thời hạn thanh toán	: Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
Tài sản bảo đảm	: Trái phiếu được bảo đảm bằng sổ tiết kiệm với giá trị là 60.000.000.000 đồng của ông Vũ Ngọc Tú và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

Chi phí phát hành trái phiếu là 1.000.000.000 đồng. Giá trị chi phí phát hành trái phiếu còn lại chưa phân bổ tại thời điểm 30/06/2018 là 306.925.419 đồng được điều chỉnh giảm vào mệnh giá trái phiếu.

5.20 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản đánh giá giá trị hợp lý tại thời điểm mua Công ty con theo thuế suất 20%	26.074.335.195	26.983.689.903
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản đánh giá giá trị hợp lý tại thời điểm mua Công ty con theo thuế suất 10%	72.653.670.932	27.147.733.598
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	98.728.006.127	54.131.423.501

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.21 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.21.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

Số dư tại 01/01/2017	Vốn góp của chủ sở hữu VND		Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
	VND	VND							
300.056.240.000	300.056.240.000	29.155.000.000	29.155.000.000	15.794.216.721	(342.000)	2.746.814.635	86.136.965.208	120.820.763.014	554.709.657.578
Tăng vốn trong năm trước	121.024.730.000	(152.100.000)		-	-	-	-	200.695.189.650	321.567.819.650
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	83.349.319.194	(10.848.811.396)	72.500.507.798
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	2.294.073.250	(2.294.073.250)	-	-
Tặng/(giảm) liên quan đến nghiệp vụ mua/bán Công ty con	-	-	-	(9.632.835.372)	-	(4.314.847.754)	54.624.693.873	(22.011.406.294)	18.665.604.453
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	400.539.514	150.810.979	551.350.493
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(107.242.173)	(92.478.273)	(199.720.446)
Chia cổ tức	75.011.750.000	-	-	-	-	-	(75.011.750.000)	(3.088.068.000)	(3.088.068.000)
Chia cổ phiếu thưởng	4.000.000.000	-	-	6.595.847.096	-	-	(10.593.791.606)	(2.055.490)	-
Lợi ích đầu tư Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận ghi thẳng VCH	-	-	-	-	-	-	2.077.308.466	1.641.380.779	3.718.689.245
Số dư tại 31/12/2017	500.092.720.000	29.002.900.000	29.002.900.000	12.757.228.445	(342.000)	726.040.131	138.581.969.226	287.265.324.969	968.425.840.771

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÔNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.21.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	500.092.720.000	29.002.900.000	12.757.228.445	(342.000)	726.040.131	138.581.969.226	968.425.840.771									
Tăng vốn trong kỳ	100.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	195.120.000.000									
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	29.724.611.025	28.989.564.430									
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(116.763.154)	(220.042.888)									
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	6.465.425.879	(6.465.425.879)	-									
Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	(20.439.197.356)	20.439.197.356									
Tăng/(giảm) liên quan đến nghiệp vụ mua/bán Công ty con	-	-	-	-	-	-	10.867.095.092									
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.031.307.301)									
Số dư tại 30/06/2018	600.092.720.000	49.002.900.000	12.757.228.445	(342.000)	7.191.466.010	141.285.193.862	1.200.151.150.104									

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	500.092.720.000	300.056.240.000
Vốn góp tăng trong kỳ	100.000.000.000	200.036.480.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	600.092.720.000	500.092.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	79.001.750.000
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	-	<i>75.001.750.000</i>
<i>Cổ phiếu thưởng ESOP</i>		<i>4.000.000.000</i>

5.21.3 Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.009.272	50.009.272
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.009.272	50.009.272
Cổ phiếu phổ thông	60.009.272	50.009.272
Số lượng cổ phiếu quỹ	10	10
Cổ phiếu phổ thông	10	10
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.009.262	50.009.262
Cổ phiếu phổ thông	60.009.262	50.009.262
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	898.301.000.022	677.237.260.789
Doanh thu cung cấp dịch vụ	823.802.190	95.944.956
Doanh thu khác	605.817.700	-
Cộng	899.730.619.912	677.333.205.745

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Trong đó, doanh thu với các bên liên quan

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	38.543.964.000	42.278.364.000
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	27.288.632.380	27.288.632.380
Cộng	65.832.596.380	69.566.996.380

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chiết khấu thương mại	346.187.507	310.163.413
Giảm giá hàng bán	30.132	171.818.399
Hàng bán bị trả lại	366.367.939	686.027.710
Cộng	712.585.578	1.168.009.522

6.3 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	761.465.579.999	547.697.719.714
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	191.465.529	77.676.673
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.842.939.310	3.991.497.195
Cộng	763.499.984.838	551.766.893.582

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chênh lệch đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết khi chuyển thành công ty con <1>	16.191.180.135	-
Lợi thế thương mại âm do giao dịch mua rẻ <1>	19.173.553.191	-
Lãi bán các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh	19.095.000.000	96.193.337.649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.810.112.800	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	879.867.363	2.476.142.334
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.466.203.081	1.728.556.154
Cộng	64.615.916.570	100.398.036.137

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

<1> Là các khoản chênh lệch giữa giá phí đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận với giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày mua. Công ty đang thực hiện thuê Công ty thẩm định giá độc lập để xác định giá trị hợp lý này. Giá trị hợp lý đang được tạm xác định theo báo cáo của bộ phận chuyên môn của Công ty với giá trị là 24.500 đồng/cổ phiếu. Giá trị này có thể thay đổi sau khi Công ty thẩm định giá phát hành báo cáo thẩm định giá chính thức.

Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá các ảnh hưởng của việc thay đổi kết quả thẩm định giá đến các chi tiêu đã ghi nhận là không trọng yếu.

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lãi tiền vay	79.862.554.753	54.081.283.309
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.593.759.780	2.487.753.975
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	84.437.686	21.823.117
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	3.991.280
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(11.400.000)
Chi phí tài chính khác	11.600	687.866
Cộng	81.540.763.819	56.584.139.547

6.6 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	12.236.331.548	7.278.289.507
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.280.182.457	1.140.668.894
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.088.919.638	1.595.121.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.066.964.101	15.364.849.122
Chi phí bằng tiền khác	5.021.431.525	3.434.213.353
Cộng	42.693.829.269	28.813.142.666

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.483.203.235	29.148.572.302
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.655.899.130	1.903.478.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.454.667.461	2.008.034.302
Thuế, phí và lệ phí	2.081.377.160	1.823.445.428
Chi phí dự phòng	1.817.317.938	8.985.246.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.240.168.034	7.993.778.350
Chi phí bằng tiền khác	10.884.692.120	7.606.261.690
Lợi thế thương mại phân bổ	18.164.559.128	10.039.528.670
Cộng	62.781.884.206	69.508.346.520

6.8 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.892.108.101	136.770.921
Thu nhập khác	1.708.490.468	1.825.718.944
Cộng	13.600.598.569	1.962.489.865

6.9 Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí xử lý phế thải	4.837.591.952	-
Chi phí khác	1.975.956.735	710.430.462
Cộng	6.813.548.687	710.430.462

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Công ty mẹ	1.555.327.747	11.235.377.071
Chi phí thuế thu nhập hiện hành các đơn vị thành viên	2.432.818.120	1.102.590.263
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.988.145.867	12.337.967.334

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.11 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản đánh giá lại giá trị hợp lý của Công ty con tại thời điểm mua	(2.307.995.461)	(909.354.708)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện năm trước	-	326.675.799
Cộng	(2.307.995.461)	(582.678.909)

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

6.12.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	28.989.564.430	59.504.027.926
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	29.724.611.025	59.698.159.346
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.285.505	37.906.789
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	591	1.575

6.12.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	28.989.564.430	59.504.027.926
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	29.724.611.025	59.698.159.346
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.285.505	37.906.789
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành từ nguồn vốn CSH <1>	6.499.263	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	523	1.575

<1> Là số lượng cổ phiếu đã phát hành để trả cổ tức theo báo cáo kết quả phát hành số 81/BC-DNP ngày 14/08/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.12.3 Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2018 <i>Cổ phiếu</i>	6 tháng đầu năm 2017 <i>Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu lưu hành đầu năm	50.009.262	30.005.614
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bổ sung trong kỳ <1>	276.243	
Cổ phiếu trả cổ tức và thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu <2>		7.901.175
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.285.505	37.906.789

<1> Ngày 26/06/2018, Công ty đã hoàn thành phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với số lượng 10.000.000 cổ phiếu và đã UBCK Nhà nước chấp thuận báo cáo kết quả phát hành tại văn bản số 4082/UBCKNN – QLCB ngày 02/07/2018.

<2> Là số lượng cổ phiếu trả cổ tức và thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu tăng trong năm 2017 được tính lưu hành từ đầu năm theo chuẩn mực kế toán.

Các chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại do việc thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong 6 tháng đầu năm 2017 để phù hợp so sánh như sau

	6 tháng đầu năm 2017 đã trình bày VND	Trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.990	1.575
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.592	1.575

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nhân công	100.448.937.864	80.799.760.650
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	524.790.401.016	420.284.942.200
Chi phí công cụ dụng cụ	15.427.839.210	9.747.725.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.132.386.189	73.793.634.462
Thuế, phí, lệ phí	2.081.377.160	1.823.445.428
Chi phí dự phòng	1.873.036.205	8.988.246.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	94.543.184.327	2.747.198.601
Cộng	823.869.322.761	588.437.228.265

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Tổng khấu hao trích trong kỳ	82.245.167.905	63.811.560.340
Lợi thế thương mại phân bổ vào chi phí trong kỳ	18.164.559.128	10.039.528.670
Trừ khấu hao TSCĐ vốn hóa chi phí đầu tư XD CB	(277.340.844)	(57.454.548)
Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư (Mã số 02)	100.132.386.189	73.793.634.462

7.2 Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	879.867.363	2.476.142.334
Cổ tức	2.810.112.800	-
Lợi nhuận chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn (không bao gồm chứng khoán kinh doanh)		96.193.337.649
Chênh lệch đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết khi chuyển thành công ty con	16.191.180.135	-
Lợi thế thương mại âm do giao dịch mua rẻ	19.173.553.191	-
Lãi thanh lý tài sản cố định	11.892.108.101	136.770.921
Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	10.765.176.182	
Lãi (lỗ) hoạt động đầu tư	61.711.997.772	98.806.250.904

7.3 Tăng, giảm chi phí trả trước

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Biến động chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn	19.549.571.443	11.240.092.251
Loại trừ ảnh hưởng do (mua) bán Công ty con	(18.161.389.086)	207.510.838
Loại trừ ảnh hưởng do phân bổ sang đầu tư XD CB	10.812.018.374	
Tăng (giảm) chi phí trả trước	12.200.200.731	11.447.603.089

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

7.4 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	90.808.068.488	65.261.120.006
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	75.000.000.000	

7.5 Tiền thu từ đi vay

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.277.951.846.906	907.169.037.512
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường		100.000.000.000
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	210.219.179.893	
Cộng	2.488.171.026.799	1.007.169.037.512

7.6 Tiền trả nợ gốc vay

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.345.794.104.157	918.420.911.171
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	100.000.000.000	
Cộng	1.445.794.104.157	918.420.911.171

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính			
Tại ngày 30/06/2018			
Vay và nợ	1.288.469.263.604	1.808.843.607.697	3.097.312.871.301
Phải trả người bán	180.801.505.913	-	180.801.505.913
Phải trả khác	189.845.215.577	477.973.319.463	667.818.535.040
Cộng	1.659.115.985.094	2.286.816.927.160	3.945.932.912.254
Tại ngày 01/01/2018			
Vay và nợ	1.064.565.499.167	963.051.953.212	2.027.617.452.379
Phải trả người bán	108.063.763.331	-	108.063.763.331
Phải trả khác	78.377.059.370	575.421.179.569	653.798.238.939
Cộng	1.251.006.321.868	1.538.473.132.781	2.789.479.454.649

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	303.946.801.327	-	307.873.206.677	-
Phải thu khách hàng	436.649.140.579	(37.134.044.355)	340.343.097.622	(35.020.440.164)
Phải thu về cho vay	810.000.000	(610.000.000)	810.000.000	(610.000.000)
Phải thu khác	299.420.065.233	(1.789.904.445)	76.323.656.859	(1.789.904.445)
Đầu tư tài chính	159.667.232.156	-	220.944.598.165	-
	1.200.493.239.295	(39.533.948.800)	946.294.559.323	(37.420.344.609)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	3.097.312.871.301	-	2.027.617.452.379	-
Phải trả người bán	180.801.505.913	-	108.063.763.331	-
Phải trả khác	667.818.535.040	-	653.798.238.939	-
	3.945.932.912.254	-	2.789.479.454.649	-
			1.160.959.290.495	908.874.214.714
			3.097.312.871.301	2.027.617.452.379
			180.801.505.913	108.063.763.331
			667.818.535.040	653.798.238.939
			3.945.932.912.254	2.789.479.454.649

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

(2) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2018 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành gồm cả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát kiêm nhiệm	2.813.696.591	3.053.800.000

9.2 Thông tin về bộ phận

Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty phân loại hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên gồm 2 ngành chính theo lĩnh vực kinh doanh:

- Ngành nhựa gồm kinh doanh ống, bao bì nilong và nhựa công nghiệp.
- Ngành nước – Sản xuất và kinh doanh nước sạch

Hoạt động kinh doanh của Công ty về mặt địa lý gồm:

- Hoạt động kinh doanh trong nước
- Hoạt động kinh doanh xuất khẩu

Công ty lập báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

9.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018			6 tháng đầu năm 2017		
	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	780.183.735.481	118.834.298.853	899.018.034.334	606.964.498.294	69.200.697.929	676.165.196.223
2. Khấu hao TSCĐ	40.088.464.029	41.879.363.032	81.967.827.061	34.765.899.710	28.988.206.082	63.754.105.792
3. Lợi thế thương mại phân bổ	3.082.613.336	15.081.945.792	18.164.559.128	3.082.613.336	6.956.915.334	10.039.528.670
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.856.967.435	65.661.082.061	135.518.049.496	96.073.267.268	28.325.035.373	124.398.302.641

9.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018			6 tháng đầu năm 2017		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	704.610.402.279	194.407.632.055	899.018.034.334	513.794.424.826	162.370.771.397	676.165.196.223

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được soát xét.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 05/07/2018, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:12.997 tương ứng 6.500.000 cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:42,992 tương ứng 21.500.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng. Số cổ phiếu phát hành trả cổ tức đã được phân phối là 6.499.263 cổ phiếu. Số cổ phiếu đã phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu là 21.116.412 cổ phiếu, số cổ phần còn lại 383.588 cổ phiếu đã được phân phối cho Công ty CP Đầu tư Châu Á Thống Nhất với giá 10.000 đồng theo nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT ngày 09/08/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn
Người lập biểu